

Bản án số: 66/2025/DS-ST
Ngày: 28/4/2025
V/v tranh chấp “*hợp đồng dịch vụ, hứa thưởng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hồng và bà Phạm Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1164/2024/TLST- DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “*Hợp đồng dịch vụ, hứa thưởng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2025/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2025/QĐST-ST ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Thanh Trường G, sinh năm 1983; địa chỉ: số B, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận ngày 11/4/2024, (có đơn xin xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Mai Văn Hùng C, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

2.2 Bà Lâm Thị L, sinh năm: 1968; cùng ngụ tại: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt, tự ý bỏ về tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại các phiên hòa giải, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Trần Thanh H trình bày:

Vào ngày 10/9/2023, ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L có nhờ ông Võ Thanh Trường G tư vấn, hỗ trợ pháp lý, làm hồ sơ, thủ tục, thu thập tài liệu chứng cứ cho ông C và bà L để tham gia vụ kiện tranh chấp “hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông C, bà L với ông Võ Công D vào năm 2020. Ông C và bà L có làm hợp đồng hứa thưởng với ông G với nội dung là: “Sau khi kết thúc vụ án ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L được Tòa án tuyên bằng bản án có hiệu lực pháp luật cho ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L được tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng hoặc tuyên bên mua đất mất tiền cọc thì ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L có nghĩa vụ thanh toán chi phí hỗ trợ tố tụng và thưởng cho ông G số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)”. Ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử với kết quả tuyên vợ chồng là ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L thắng kiện. Đến ngày 14/10/2023, Bản án dân sự sơ thẩm phát sinh hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, sau khi có kết quả giải quyết vụ án được thắng kiện, ông G nhiều lần yêu cầu ông C, bà L thực hiện việc trả thưởng nhưng ông C, bà L cứ hẹn lần này đến lần khác, đến nay ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L vẫn chưa thanh toán số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho ông G theo cam kết phát sinh từ hợp đồng.

Vì vậy, ông G khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và lãi suất chậm trả của số tiền 30.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 14/10/2023 đến ngày 14/8/2024 (10 tháng) với số tiền là 2.490.000 đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng gốc và lãi số tiền là 32.490.000 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Đồng thời, tiếp tục tính lãi chậm trả của số tiền 30.000.000 đồng theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 15/8/2024 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: 01 (một) hợp đồng hứa thưởng ngày 10/9/2023 (photo).

Quá trình giải quyết vụ án;

Ông Trần Thanh H đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000 đồng do ông C, bà L đã thanh toán và không yêu cầu tính lãi; chỉ yêu cầu ông C, bà L có nghĩa vụ trả số tiền hứa thưởng 28.000.000 đồng.

Bị đơn Lâm Thị L khai, vào ngày 10/9/2023, bà và ông Mai Văn Hùng C (chồng bà) có nhờ ông Võ Thanh Trường G tư vấn, hỗ trợ pháp lý, làm hồ sơ, thủ

tục, thu thập tài liệu chứng cứ cho vợ chồng bà tham gia vụ kiện với ông Võ Công D, bà Đào Thị Ánh X. Vợ chồng bà có làm hợp đồng hứa thưởng với ông G với nội dung là: trường hợp, sau khi kết thúc vụ án vợ chồng bà được Tòa án tuyên bằng bản án có hiệu lực pháp luật cho vợ bà được tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng hoặc tuyên bên mua đất mất tiền cọc thì vợ chồng bà có nghĩa vụ thanh toán chi phí hỗ trợ tố tụng và thưởng cho ông G số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã giải quyết tuyên vợ chồng bà thắng kiện, bên mua đất mất tiền cọc. Đến ngày 14/10/2023, Bản án dân sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh Trường G thì bà đồng ý trả số tiền hứa thưởng 30.000.000 đồng. Bà xác định chữ ký trong hợp đồng hứa thưởng ngày 10/9/2023 là chữ ký của vợ chồng bà. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin xem xét trả dần, đối với số tiền yêu cầu tính lãi thì bà xin ông G bỏ ra không yêu cầu vì hiện nay hoàn cảnh khó khăn. Chồng bà Mai Văn Hùng C hiện nay đi làm tại tỉnh Bình Dương thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng còn vẫn còn tồn tại hôn nhân, việc Tòa án tổng đạt các văn bản, giấy triệu tập bà đều thông báo lại cho ông C biết, ông C cũng thông nhất số tiền hứa thưởng nhưng xin trả dần.

Bị đơn Mai Văn Hùng C vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vắng mặt, đại diện hợp pháp nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, có nội dung trình bày, giữ nguyên ý kiến, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu ông C, bà L có nghĩa vụ trả cho ông Võ Thanh Trường G số tiền 28.000.000 đồng.

Bị đơn Lâm Thị L, khi Hội đồng xét xử thực hiện thủ tục hỏi, bà Lữ thừa N nợ tiền hứa thưởng, có ý kiến đề nghị Tòa án triệu tập ông G để thỏa thuận trả dần, sau khi hội ý Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết sự có mặt của ông G vì phía ông G ngay từ khi thụ lý đã ủy quyền cho ông H, ông H đã có đơn xin xử vắng mặt nên tiếp tục phiên tòa; tuy nhiên, đến phần đại diện Viện kiểm sát tham gia hỏi thì bà L tự ý bỏ về.

Bị đơn Mai Văn Hùng C vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và

Điều 203; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234; bị đơn Lâm Thị L từ khi thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L tự ý bỏ về không chấp hành theo quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông Mai Văn Hùng C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: xét thấy chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông G là Hợp đồng hứa thưởng ngày 10/9/2023 thì bà L xác định chữ ký trong hợp đồng của ông C, bà L với nội dung cam kết sẽ thưởng 30.000.000 đồng cho ông G sau khi kết thúc vụ án và được tòa tuyên bằng một bản án có hiệu lực pháp luật. Phía bà L cũng thừa nhận là có hứa thưởng cho ông G 30.000.000 đồng, sau khi kết thúc vụ án và được tòa tuyên bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Việc giao kết hợp đồng giữa ông G với ông C, bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Ông C, bà L đã vi phạm thỏa thuận, không thực hiện nghĩa vụ như cam kết và quá trình tố tụng, bà L vẫn thừa nhận sẽ trả cho ông G số tiền 30.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn chưa thực hiện được nên ông G khởi kiện yêu cầu ông C, bà L trả số tiền 28.000.000 đồng là phù hợp Điều 513, 519, 570, 572 Bộ luật Dân sự. Đối với số tiền 2.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 14/10/2023 đến khi giải quyết xong vụ án, do ông G rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 513, 519, 570, 572 Bộ luật Dân sự, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh Trường G.
- Buộc ông Mai Văn Hùng C, bà Lâm Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Võ Thanh Trường G số tiền 28.000.000 đồng.
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh Trường G đối với số tiền 2.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 14/10/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền vay và lãi suất; căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định là tranh chấp “*hợp đồng dịch vụ, hứa thưởng*”.

[2] Về thẩm quyền: bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: bị đơn Mai Văn Hùng C vắng mặt tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Tại phiên tòa, bị đơn Lâm Thị L tự ý bỏ về không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng: Vào ngày 10/9/2023, ông Mai C và bà L có nhờ ông G tư vấn, hỗ trợ pháp lý, làm hồ sơ, thủ tục, thu thập tài liệu chứng cứ cho ông C và bà L để tham gia vụ kiện tranh chấp “*hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” giữa ông C, bà L với ông Võ Công D vào năm 2020. Ông C và bà L có làm hợp đồng hứa thưởng với ông G với nội dung nếu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thắng kiện thì ông, bà sẽ thưởng cho ông G số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi có kết quả giải quyết vụ án được thắng kiện, ông G nhiều lần yêu cầu ông C, bà L thực hiện việc trả thưởng nhưng ông C, bà L cứ hẹn lần này đến lần khác, không thực hiện theo thỏa thuận. Vì vậy, ông G khởi kiện yêu cầu ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L thanh toán số tiền là 30.000.000 đồng theo cam kết phát sinh từ hợp đồng.

[4.2] Về nhận định, đánh giá tài liệu, chứng cứ: Trên cơ sở Hợp đồng hứa thưởng ngày 10/9/2023 được lập giữa các bên thể hiện dung “*Sau khi kết thúc vụ án ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L được Tòa án tuyên bằng bản án có hiệu lực pháp luật cho ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L được tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng hoặc tuyên bên mua đất mất tiền cọc thì ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L có nghĩa vụ thanh toán chi phí hỗ trợ tố tụng và thưởng cho ông G số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)*”. Ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử với kết quả tuyên vợ chồng là ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L thắng kiện. Đến ngày 14/10/2023, Bản án dân sự sơ thẩm phát sinh hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, sau khi có kết quả giải quyết vụ án được thắng

kiện, ông G nhiều lần yêu cầu ông C, bà L thực hiện việc trả thưởng nhưng ông C, bà L cứ hẹn lần này đến lần khác, đến nay ông Mai Văn Hùng C và bà Lâm Thị L vẫn chưa thanh toán số tiền là 30.000.000 đồng cho ông G theo cam kết phát sinh từ hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, phía ông G cho rằng ông C, bà L đã thanh toán số tiền 2.000.000 đồng nên chỉ còn yêu cầu ông C, bà L trả số tiền 28.000.000 đồng. Với phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G yêu cầu ông C, bà L trả số tiền hứa thưởng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía đại diện hợp pháp cho nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 2.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất (rút lại yêu cầu tính lãi từ ngày 14/10/2023 đến khi giải quyết xong vụ án). Đánh giá việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, nên đình chỉ theo quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: *Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

Do yêu cầu được chấp nhận, nguyên đơn Võ Thanh Trường G được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bị đơn Mai Văn Hùng C, Lâm Thị L phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định là 5% trên số tiền 28.000.000 đồng, tương ứng 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn).

[7] Đánh giá quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273; Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ các 513, 519, 570, 572 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh Trường G đối với ông Mai Văn Hùng C, bà Lâm Thị L.

Buộc ông Mai Văn Hùng C, bà Lâm Thị L có nghĩa vụ trả số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu) cho ông Võ Thanh Trường G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh Trường G đối với số tiền 2.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 14/10/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

3. Về án phí:

Ông Võ Thanh Trường G được hoàn lại số tiền 812.000 đồng (tám trăm mười hai nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023309 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bị đơn Mai Văn Hùng C, Lâm Thị L phải chịu 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn), án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Võ Thanh Trường G, bị đơn Mai Văn Hùng C, Lâm Thị L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: H.S.V.A.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong